

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06 /2026/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Phát triển đất tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 quy định về Quỹ phát triển đất; số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất; số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 9143/STC-NS ngày 16/12/2025 (trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 3573/BC-STP ngày 29/11/2025); trên cơ sở kết quả biểu quyết thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh (qua phiếu biểu quyết);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Phát triển đất Hà Tĩnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2026 và thay thế Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động Quỹ phát triển đất tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ Phát triển đất tỉnh Hà Tĩnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TH₁.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Hồ Huy Thành

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động Quỹ Phát triển đất tỉnh Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND / /2026 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển đất tỉnh Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là Điều lệ Quỹ) quy định về địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động, quản lý và sử dụng nguồn vốn hoạt động, chế độ tài chính, quản lý tài sản, kế toán, kiểm toán của Quỹ phát triển đất tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất.
- Các tổ chức được ứng vốn từ Quỹ phát triển đất tỉnh.
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến Quỹ phát triển đất tỉnh.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở

- Tên gọi đầy đủ: Quỹ Phát triển đất tỉnh Hà Tĩnh.

Tên giao dịch quốc tế: Ha Tinh Land Development Fund (Viết tắt: HLDF).

- Trụ sở: số 01 - đường Đặng Dung, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh.

Chương II

ĐỊA VỊ PHÁP LÝ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng, nguyên tắc hoạt động và người đại diện theo pháp luật

- Quỹ phát triển đất tỉnh Hà Tĩnh (gọi tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, được thành lập theo Quyết định số 3885/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

- Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn.

3. Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn (vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác) theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

4. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Quỹ.

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.
2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.
3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.
4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.
5. Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng và thu hồi vốn ứng theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Điều lệ này; xác định chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này.
6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.
7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024, Nghị định 291/2025/NĐ-CP ngày 6/11/2025 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.
3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.
4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.
5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có:

- a) Hội đồng quản lý.
- b) Ban kiểm soát.
- c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

2. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ được thực hiện theo quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Điều lệ này.

3. Quỹ phát triển đất tỉnh Hà Tĩnh hoạt động theo mô hình ủy thác.

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có tối đa 05 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý, 02 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý và các thành viên khác, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

- a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.
- b) 02 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ gồm Giám đốc Quỹ và lãnh đạo Sở Tài chính.
- c) Các thành viên khác là đại diện Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính.
- d) Thành viên của Hội đồng quản lý không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý:

- a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ phát triển đất theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ; bảo toàn và phát triển vốn.
- b) Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế ứng vốn, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý.
- c) Giám sát, kiểm tra cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.
- d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; phê duyệt kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất sau khi xin ý kiến thống nhất của UBND tỉnh.

đ) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất.

e) Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên của Ban kiểm soát Quỹ theo đề nghị của Trưởng ban kiểm soát.

g) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật.

h) Được sử dụng con dấu của Quỹ phát triển đất và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.

i) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định và pháp luật có liên quan.

3. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể như sau:

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản.

b) Các kết luận của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản lý.

c) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp).

Điều 9. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ phát triển đất.

2. Ban kiểm soát có tối đa 03 thành viên, gồm: Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Thành viên của Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Trưởng Ban kiểm soát Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, khen

thường, kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát Quỹ theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát:

- a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ Quỹ, các quy chế, quy trình của Quỹ.
- b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.
- c) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.
- d) Lập kế hoạch hoạt động, trình Hội đồng quản lý phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát.
- đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và UBND tỉnh giao.

Điều 10. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất là cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tĩnh, gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và phòng chuyên môn.

a) Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ phát triển đất, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

b) Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ phát triển đất theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

c) Kế toán trưởng Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ phát triển đất, giúp Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ phát triển đất theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ khác được quy định tại Luật Kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản khác có liên quan (nếu có).

d) Các phòng chuyên môn có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành và sửa đổi các quy chế ứng vốn, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác của Quỹ.

c) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn hàng năm của Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt, sau khi xin ý kiến thống nhất của UBND tỉnh.

d) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ.

đ) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024, Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 6/11/2025 của Chính phủ và quy định của pháp luật.

Điều 11. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ phát triển đất với các cơ quan quản lý nhà nước, Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Tổ chức được ứng vốn, tổ chức nhận ủy thác quản lý Quỹ phát triển đất

1. Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Giám đốc Quỹ

a) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

b) Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý về hoạt động kiểm tra, giám sát; phối hợp với các cơ quan có chức năng kiểm tra giám sát về hoạt động của Quỹ; báo cáo định kỳ, đột xuất với Hội đồng quản lý về chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

c) Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý về nhiệm vụ được giao, chấp hành đúng quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật liên quan; báo cáo định kỳ, đột xuất với Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Quỹ; điều hành Quỹ thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nghị quyết, quyết định trước Hội đồng quản lý và pháp luật.

2. Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan

a) Quỹ hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

b) Quỹ phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn được giao.

3. Quỹ với Tổ chức được ứng vốn

a) Quỹ có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức ứng vốn trong việc lập kế hoạch ứng vốn; trình cấp có thẩm quyền quyết định ứng vốn; xây dựng phương án hoàn trả vốn ứng, xác định chi phí quản lý sử dụng vốn ứng; kiểm tra, sử dụng vốn ứng.

b) Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu liên quan theo yêu cầu của Quỹ. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn ứng đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

4. Tổ chức nhận ủy thác quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tĩnh chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/07/2024, Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 6/11/2025 của Chính phủ, pháp luật có liên quan và Quyết định ủy thác của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 12. Ủy thác quản lý Quỹ phát triển đất

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tĩnh quản lý Quỹ phát triển đất.

2. Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tĩnh chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/07/2024, Nghị định 291/2025/NĐ-CP ngày 6/11/2025 của Chính phủ, pháp luật có liên quan và Quyết định ủy thác của Ủy ban nhân dân tỉnh. Không được sử dụng nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất vào các mục đích khác; thực hiện hạch toán và theo dõi riêng toàn bộ vốn nhận ủy thác từ Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 291/2025/NĐ-CP) và Điều lệ này; không thực hiện chuyển nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất sang Quỹ nhận ủy thác.

3. Mức phí ủy thác: 50% khoản thu của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ này.

4. Nội dung ủy thác: Ủy ban nhân dân tỉnh ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tĩnh quản lý nguồn vốn, hoạt động của Quỹ phát triển đất và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ này.

Chương IV **HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

Điều 13. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ gồm

a) Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương và cấp từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ phát triển đất sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức vốn điều lệ ban đầu, vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ phát triển đất.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất được gửi tại Kho bạc Nhà nước tại địa phương, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn đảm bảo an toàn, hiệu quả và được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất.

Quỹ phát triển đất mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước tại địa phương, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định của pháp luật. Trong thời gian tạm thời nhàn rỗi, vốn điều lệ của Quỹ được gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn bảo đảm an toàn, hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.

Điều 14. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng để:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

b) Ứng vốn cho đơn vị, tổ chức theo quy định của pháp luật về đất đai để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư; tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước.

c) Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn từ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Điều lệ này; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.

Điều 15. Thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn từ Quỹ

1. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch ứng vốn:

Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt kế hoạch ứng vốn từ Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ sau khi có ý kiến thống nhất của UBND tỉnh.

2. Quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt kế hoạch ứng vốn

a) Hằng năm, các Tổ chức được ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này đăng ký nhu cầu ứng vốn Quỹ của năm sau;

b) Căn cứ vào nhu cầu ứng vốn của các tổ chức được ứng vốn và nguồn vốn hiện có của Quỹ, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch ứng vốn cho các dự án, nhiệm vụ trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt kế hoạch ứng vốn năm, sau khi có ý kiến chấp thuận của UBND tỉnh. Mức ứng vốn cụ thể cho từng dự án do cấp có thẩm quyền tại khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này quyết định trên cơ sở tiến độ thực hiện, nhu cầu vốn của các dự án và nguồn vốn hiện có của Quỹ.

Đối với các dự án ngoài dự án tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá chỉ đưa vào

kế hoạch ứng vốn khi có chủ trương ứng vốn từ Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư.

c) Trường hợp trong năm có phát sinh dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn từ Quỹ thì việc lập, tổng hợp, phê duyệt kế hoạch ứng vốn bổ sung thực hiện như quy định tại điểm a, điểm b của khoản này.

3. Điều kiện ứng vốn:

a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.

b) Có trong Kế hoạch ứng vốn năm đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.

d) Có phương án hoàn trả vốn ứng.

đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn:

- Đối với các dự án có mức ứng vốn dưới 10% nguồn vốn hoạt động thực có của Quỹ do Giám đốc Quỹ phát triển đất quyết định.

- Đối với các dự án có mức ứng vốn từ 10% trở lên nguồn vốn hoạt động thực có của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất quyết định.

2. Trên cơ sở Kế hoạch ứng vốn đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập 01 bộ hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ phát triển đất. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị ứng vốn (trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn): 01 bản chính.

- Hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến việc ứng vốn: 01 bản sao. Hồ sơ chỉ gửi đến Quỹ phát triển đất 01 lần để sử dụng cho nhiều lần ứng vốn của dự án. Trong trường hợp hồ sơ dự án có phát sinh mới hoặc điều chỉnh, sửa đổi thì nộp bổ sung.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Quỹ phát triển đất trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này quyết định việc ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn nếu không đủ điều kiện theo quy định.

4. Quỹ kiểm soát hồ sơ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc

Nhà nước, ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Quỹ. Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản thanh toán thực hiện lệnh chuyển tiền của Quỹ cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

5. Việc ứng vốn được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện giải ngân ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn là hồ sơ, tài liệu bổ sung có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần.

6. Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm:

a) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn ứng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này để sử dụng vào mục đích khác.

b) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này.

c) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất và thực hiện hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.

d) Trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án, nhiệm vụ ứng vốn theo đúng quy định của pháp luật.

7. Quỹ phát triển đất có trách nhiệm kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn ứng theo quy định.

Điều 17. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ. Mức chi phí quản lý vốn ứng được xác định theo mức tại thời điểm ban hành Quyết định ứng vốn lần đầu của từng dự án, từng nhiệm vụ, cố định trong cả quá trình ứng vốn và không tính theo thời gian ứng vốn.

Việc chi trả chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ phát triển đất được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ bố trí vốn đầu tư của từng dự án, từng nhiệm vụ.

2. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

Điều 18. Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất

1. Hoàn trả vốn ứng từ nguồn vốn của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:

a) Tổ chức được ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này lập hồ sơ hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất gửi Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức được ứng vốn mở tài khoản). Hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ phát triển đất chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;
- Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/07/2024, Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;
- Quyết định ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ này: 01 bản sao;
- Quyết định giao kế hoạch vốn hằng năm của dự án (trong đó có số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ): 01 bản sao;
- Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền được giao làm chủ đầu tư dự án: 01 bản chính.

b) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ do tổ chức được ứng vốn gửi; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ phát triển đất; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Hoàn trả vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Căn cứ vào số tiền ứng vốn chưa hoàn trả cho Quỹ phát triển đất (bao gồm cả số tiền ứng vốn của kỳ trước nếu có), thời hạn ứng và phương án hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, tổ chức được ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này báo cáo cấp có thẩm quyền của địa phương để bố trí trong dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển khác của cấp tương ứng để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ.

b) Nguồn hoàn trả Quỹ phát triển đất được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Căn cứ dự toán ngân sách được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất gửi Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ phát triển đất chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

- Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/07/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

- Quyết định giao dự toán ngân sách của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

- Quyết định hoàn trả vốn ứng của cơ quan, người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ: 01 bản chính.

d) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ phát triển đất; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục thực hiện giao dịch tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

đ) Tổ chức được ứng vốn thực hiện quyết toán số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất cùng với quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Số tiền thanh toán quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ứng vốn quy định tại Điều lệ này, không được sử dụng vào mục đích khác.

4. Trường hợp số tiền đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ phát triển đất trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết.

Điều 19. Xử lý các vi phạm trong việc sử dụng, hoàn trả vốn ứng

1. Trong trường hợp tổ chức ứng vốn sử dụng sai mục đích, sai đối tượng và trái với các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước hoặc chưa hoàn trả vốn ứng, chi phí sử dụng vốn ứng theo quy định, Quỹ có quyền tạm dừng việc giải ngân đối với tổ chức được ứng vốn và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm trục lợi; tham ô, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cố ý làm trái gây thất thoát tiền của Nhà nước trong hoạt động của Quỹ thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương V **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO**

Điều 20. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ phát triển đất

1. Năm tài chính của Quỹ phát triển đất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
2. Chế độ tài chính được áp dụng theo cơ chế của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 21. Các khoản thu, chi của Quỹ phát triển đất

1. Các khoản thu gồm:
 - a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này.
 - b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.
 - c) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
2. Các khoản chi gồm:
 - a) Chi phí ủy thác quản lý Quỹ phát triển đất theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - b) Chi các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập;
 - c) Các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;
 - d) Các khoản chi khác trực tiếp phục vụ cho hoạt động của Quỹ được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.
3. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất.
4. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Chế độ kế toán, báo cáo

1. Quỹ phát triển đất thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.
2. Hằng năm, Quỹ phát triển đất có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ phát triển đất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ phát triển đất được thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Quỹ tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ; gửi báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 23. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án/nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt ứng vốn thì tiếp tục được ứng vốn để hoàn thiện dự án/nhiệm vụ theo đúng mục tiêu, tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Đối với khoản vốn ứng đã được giải ngân trước ngày 01 tháng 8 năm 2024, chi phí quản lý vốn ứng thực hiện theo Hợp đồng ứng vốn và các phụ lục hợp đồng đã ký giữa Quỹ và tổ chức được ứng vốn.

b) Đối với khoản vốn ứng được giải ngân từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 trở đi, chi phí quản lý vốn ứng thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này.

2. Việc hoàn trả vốn ứng đối với các dự án, nhiệm vụ được quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp đã xác định nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất từ nguồn vốn của dự án hoặc nguồn đã được xác định theo quy định thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Điều lệ này hoặc từ nguồn đã được xác định theo quy định.

b) Đối với trường hợp còn lại (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này) thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này.

3. Trường hợp Quỹ phát triển đất đã ứng vốn theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tạo quỹ đất theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trước ngày Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ có hiệu lực thi hành mà đến thời điểm Nghị định số 104/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành còn đang thực hiện thì tiếp tục thực hiện ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Nguồn vốn hiện có của Quỹ Phát triển đất (gồm vốn điều lệ đã được cơ quan, người có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật, nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật) tính đến ngày UBND tỉnh phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ được tính vào vốn điều lệ ban đầu của Quỹ xác định theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này; trường hợp vốn điều lệ ban đầu của Quỹ

quy định tại Điều lệ này lớn hơn số vốn hiện có thì vốn điều lệ của Quỹ còn thiếu thực hiện theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này, trường hợp nhỏ hơn số vốn hiện có thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về xác định nguồn vốn hiện có được tính vào vốn điều lệ ban đầu của Quỹ, Quỹ có trách nhiệm nộp khoản chênh lệch này vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Khi cấp có thẩm quyền quyết định giải thể Quỹ phát triển đất, toàn bộ nguồn vốn điều lệ của Quỹ sẽ được hoàn trả về ngân sách cấp tỉnh theo quy định hoặc thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền về xử lý chuyển tiếp theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định cấp vốn điều lệ ban đầu và bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ theo quy định pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

b) Tham mưu phương án bố trí ngân sách địa phương hoàn ứng nguồn vốn cho Quỹ theo quy định.

c) Chủ trì phối hợp Quỹ phát triển đất, Quỹ Đầu tư phát triển và đơn vị có liên quan tổng hợp báo cáo quyết toán của quỹ để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương.

d) Căn cứ các quy định của pháp luật chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của Quỹ.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định nhu cầu vốn tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; phục vụ sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường và các nhu cầu khác của địa phương; ổn định thị trường bất động sản để lập kế hoạch ứng vốn từ Quỹ.

3. Các sở, ngành liên quan:

a) Sở Xây dựng hướng dẫn các tổ chức ứng vốn từ Quỹ lập dự toán “chi phí sử dụng vốn ứng” vào mục chi khác của tổng mức đầu tư của dự án;

b) Kho bạc Nhà nước trên địa bàn hướng dẫn các tổ chức ứng vốn, mở tài khoản nhận vốn, hoàn trả vốn ứng và các thủ tục hành chính theo quy định của ngành có liên quan đến Quỹ. Kiểm soát việc hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này và các quy định khác có liên quan;

c) Sở Nội vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy liên quan hoạt động của Quỹ theo quy định pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. UBND các xã, phường:

a) Xác định nhu cầu và lập kế hoạch ứng vốn hàng năm từ Quỹ về kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án đầu tư NSNN và của các dự án đầu tư do các bộ, ngành trung ương phê duyệt trên địa bàn; các dự án tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước;

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tổ chức thực hiện, tiến độ và kết quả công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn cho các dự án ứng vốn từ Quỹ;

c) Cân đối và bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương để hoàn trả các khoản ứng vốn từ Quỹ kịp thời; đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và nhu cầu xây dựng khu tái định cư;

d) Phân công nhiệm vụ cụ thể, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức GPMB, phòng ban trực thuộc và các cán bộ, công chức để thực hiện;

5. Tổ chức phát triển quỹ đất và Tổ chức được giao làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

a) Lập kế hoạch ứng vốn và chi trả kịp thời kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất; các dự án tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách Nhà nước; đồng thời trình cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí hoàn trả kịp thời vốn ứng cho Quỹ theo quy định;

b) Có trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, minh bạch, có hiệu quả, thu hồi và hoàn trả cho Quỹ toàn bộ số vốn đã ứng và chi phí quản lý ứng vốn ứng theo đúng quy định;

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của số liệu, sự phù hợp với chính sách của phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư./.